TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T T H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: **59**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 24 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T T H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ **Anh Trần Quang S,** sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 45 N G T, phường P H, thành phố H, tỉnh T T H.

+ **Chị Võ Thị Hồng L,** sinh năm 1973

Địa chỉ: 172 L N Q, phường T L, thành phố H, tỉnh T T H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 16/01/2024, các bên đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về con chung, tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang S và chị Võ Thị Hồng L thuận tình ly hôn.

1.2.Về con chung: Anh S và chị L công nhận vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Hoài T, sinh ngày 25/10/2003; Trần Quang T, sinh ngày 06/9/2004; Trần Quang

Khải, sinh ngày 20/12/2014. Hiện nay con chung Trần Thị Hoài T, Trần Quang T đã trưởng thành nên anh S và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nuôi con khi ly hôn. Đối với con chung Trần Quang T hiện đang ở với anh S. Nay thuận tình ly hôn, theo nguyện vọng của cháu Quang T và theo thỏa thuận của anh S và chị L là giao cháu Quang T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quang Khải trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3.Về tài sản chung: Anh Trần Quang S và chị Võ Thị Hồng L xác nhận vợ chồng tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4.Về nợ chung: Anh Trần Quang S và chị Võ Thị Hồng L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Quang S và chị Võ Thị Hồng L mỗi bên phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Anh S và chị L đã nộp đủ 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003036 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H nên được khấu trừ, khỏi phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Ủy ban nhân dân phường T T (nay phường Đ B), tp H (số 61, đăng ký ngày 23/6/2009);
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H;
- Lưu Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú Loan